TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HN** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-ST
Ngày: 01-8-2022
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HN, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thì Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Kim Tuyền.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 7 và ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021, về việc: "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị G, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp Long Phước, xã Lk A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị N, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp Long Phước, xã Lk A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị G trình bày:

Vào năm 1995, bà có mua phần đất diện tích 2.750 m^2 của bà Kha Thị H. Đến năm 1996, nhà nước có lệnh giải tỏa lộ làng, nhà ông Ngô Văn L trúng vào khu giải tỏa, ông L là cha ruột của bà Ngô Thị N, có hỏi bà mua lại một phần đất của bà để di dời nhà. Vợ chồng ông L nói khi nào bà làm giấy sang tên xong, đất

giá thị trường bao nhiêu, thì vợ chồng ông L trả cho bà theo vậy. Vào năm 1996, bà cùng bà H đến Ủy ban nhân dân xã LK A, yêu cầu làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất 2.750 m^2 đất thổ của bà mua. Khi đó, bà Ngô Thị Ngọc Phú là em dâu của bà H làm đơn khởi kiện đòi chia thừa kế với bà H. Tòa án hai cấp bác đơn của bà Phú. Năm 1999, khi bản án có hiệu lực, bà với bà H đến Ủy ban nhân dân xã Lk A, yêu cầu tiếp tục việc chuyển nhượng. Đến năm 2004, Ủy ban nhân dân xã Lk A, mời làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà, thì vào ngày 29/3/2004, ông Ngô Văn L làm đơn thưa bà H. Ông L trình bày nguồn gốc đất ông L ở hiện nay là vào năm 1963, chú của ông L là ông Ngô Văn Triết cho ông L ở. Sau đó, ông Triết mới bán lại cho bà Lý Thị X và ông Kha Văn X. Lúc bán hai bên có hứa hẹn vẫn cho ông L ở tiếp tục diện tích nói trên. Ông L nghe bà H bán phần đất ông L đang ở cho bà, nên ông L không thống nhất và thưa bà H. Ủy ban nhân dân xã giải quyết phần đất ông L thưa bà H đã được giải tỏa nên ông L và bà H không có tranh chấp nữa. Sau đó, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có phần đất ông L đang ở.

Năm 2008, bà khởi kiện ông L đến Tòa án nhân dân huyện HN, yêu cầu ông L trả lại giá trị phần đất ông L ở diện tích 80m^2 . Tòa án nhân dân huyện HN và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã giải quyết tuyên, không chấp nhận yêu cầu của bà đòi ông Ngô Văn L bà Nguyễn Thị Đ trả giá trị phần đất có diện tích 80m^2, thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 19, xã Lk A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện HN thu hồi diện tích 80m^2 thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 19 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà đứng tên để cấp cho hộ ông L được quyền sử dụng theo quy định của Luật đất đai.

Sau Khi bản án phúc thẩm có hiệu lực, Chi cục Thi hành án huyện HN có xuống giải quyết việc thi hành án theo bản án của Tòa phúc thẩm. Bà có thống nhất cho thi hành, bà ký tên vào biên bản, sau đó bà đi làm rẫy. Một lúc sau bà trở lên thì thấy ông L cắm trụ ranh không đúng với hiện trạng đo đạc trước đây, nên bà không thống nhất và nhổ bỏ trụ ranh. Sau đó Cơ quan Thi hành án có nói vợ chồng ông L là giữ y hiện trạng theo sơ đồ đo đạc trước đây trong phạm vi nhà của ông L, không được xâm lấn ra thêm, sau đó Cơ quan Thi hành án về.

Đến năm 2018, bà lên thành phố Hồ Chí Minh để làm thuê giúp việc. Đến năm 2019 bà sang làm chủ quán phở, ở nhà bà Ngô Thị N ngang nhiên qua đất bà xây hầm vệ sinh tại cửa sổ phòng khách nhà bà diện tích 2,7 m^2 và xây ống khói qua phạm vi đất nhà bà. Bà trình báo đến ấp Long Phước. Tại buổi hòa giải bà yêu cầu bà N tháo dỡ hầm vệ sinh trả lại vị trí đất cho bà, bên bà N không chịu tháo dỡ, bà nói bà đi thưa kiện, nếu bà N thua bà, thì phải bồi thường cho bà số tiền bỏ công việc kinh doanh bán phở ở thành phố Hồ Chí Minh mỗi ngày là 1.000.000 đồng, bên bà N thống nhất, còn nếu bà N thắng kiện bà bồi thường cho bà N mỗi này 200.000 đồng.

Ngày 05/02/2021, bà có khởi kiện bà Ngô Thị N đến Tòa án nhân dân huyện HN, về việc bà N tự động xây hầm vệ sinh và ống khói diện tích 2,7 m^2 lấn qua đất bà. Đến ngày 05/3/2021, Tòa án nhân dân huyện HN ra quyết định xem xét thẩm định tại chỗ, đến ngày 26/10/2021, bà nhận được sơ đồ đạc hiện trạng đất

tranh chấp. Hiện nay, bà N đã đập hầm vệ sinh bỏ, còn ống khói, bà N cam kết nếu có lấn qua phần đất của bà thì sẽ đập bỏ. Nay bà yêu cầu bà Ngô Thị N phải bồi thường cho bà số tiền thiệt hại tổn thất về việc bà bỏ cơ sở kinh doanh bán phở ở thành phố Hồ Chí Minh để thưa kiện việc bà N cố tình lấn chiếm đất của bà, mỗi ngày 1.000.000 đồng, theo lời hứa của bà N ở Ban nhân dân ấp Long Phước. Tổng số ngày bà đi thưa kiện là 60 ngày x 1.000.000 đồng = 60.000.000 đồng và chi phí yêu cầu đoàn đo đạc là 1.492.000 đồng. Tổng cộng bà yêu cầu bà N phải bồi thường 61.492.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng).

- Bị đơn bà Ngô Thị N trình bày: Vào năm 2007-2008, bà Ngô Thị G có khởi kiện cha bà là Ngô Văn L, về tranh chấp quyền sử dụng đất. Bà G cho rằng cha bà lấn chiếm đất của bà G 80m^2. Sự việc đã được giải quyết xong, đã có bản án của Tòa án nhân dân huyện HN, tuyên không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị G đòi ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị Đ trả giá trị phần đất có diện tích 80m^2, thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 19, xã Lk A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Sau đó bà G kháng cáo lên cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã giải quyết không chấp nhận kháng cáo của bà G, giữ nguyên bản án sơ thẩm và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện HN thu hồi diện tích 80m^2 thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 19 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà G đứng tên để cấp cho hộ ông L được quyền sử dụng theo quy định của Luật đất đai.

Ngày 10/12/2008, Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN tiến hành giải quyết việc thi hành án theo bản án số 375/2008/DSPT ngày 27/8/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị Đâu được tiếp tục sử dụng phần đất theo biên bản thẩm định và sơ đồ đồ đo đạc ngày 01/02/2008, có vị trí:

+ Hướng Đông giáp đất bà G gồm các đoạn 5,5m + 07m + 5,8m.

+ Hướng Tây giáp đất ông L, bà Đâu 21,9m.

+ Hướng Nam giáp đất bà G 2,3m, giáp lộ 1,5m.

+ Hướng Bắc giáp đất bà G 3,5m.

Hai bên thống nhất cho thi hành theo bản án của Tòa án phúc thẩm, cơ quan Thi hành án và địa chính xã đã đo đất, xác định ranh cắm trụ ranh, nhưng sau đó bà G đã nhổ bỏ trụ ranh.

Năm 2019, gia đình bà có đào hầm vệ sinh hình vuông cạnh 0,3m, xây ống khói cặp vách nhà trong phạm vi phần đất cơ quan Thi hành án xác định thuộc về ông L và bà Đâu được sử dụng. Năm 2021, bà G cho rằng gia đình bà xây hầm vệ sinh và ống khói lấn qua phần đất của bà G nên tiếp tục đi kiện ông L về việc lấn ranh đất. Tòa án và đoàn thẩm định có xuống đo đạc, nhưng chỉ đo đạc diện tích hầm vệ sinh và ống khói, không đo đạc lại phần đất diện tích 80m^2 mà trước đây Tòa phúc thẩm đã tuyên cho gia đình bà sử dụng, nên không xác định được việc gia đình bà có lấn qua hay không. Để biết được việc gia đình bà có xây hầm vệ sinh và ống khói lấn qua đất bà G hay không, thì bà yêu cầu đo đạc xác định lại phần đất mà Tòa án cấp phúc thẩm đã tuyên cho ông L và bà Đâu sử dụng phần

đất diện tích 80m^2, thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 19, xã Lk A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

Tại biên bản hòa giải ở Ban nhân dân ấp Long Phước, bà G trình bày bà đang khiếu nại lên Tòa án nhân dân cấp cao, nếu Tòa án giải quyết ông L có lấn chiếm đất thì phải bồi thường cho bà G 1.000.000 đồng. Bà thay mặt ông L tham gia hòa giải, bà có không trình bày là chấp nhận với yêu cầu của bà G. Bà có trình bày, Tòa án phúc thẩm đã quyết định cho ông L được quyền sử dụng phần đất 80m^2, thì ông L xây hầm vệ sinh và ống khói trong phạm vi đó, không xâm phạm đất của bà G. Nếu Tòa án cấp cao giải quyết bên bà G thua thì phải bồi thường cho bà mỗi ngày 200.000 đồng. Bà chỉ trình bày như thế chứ không có ý định yêu cầu bà G bồi thường cho bà.

Nay bà G yêu cầu bà bồi thường thiệt hại tổn thất việc bà G bỏ cơ sở kinh doanh bán phở để đi thưa kiện bà lấn chiếm đất 2,7m^2 , mỗi ngày là 1.000.000 đồng, số ngày bà G đi kiện là 60 ngày, thành tiền là 60.000.000 đồng và chi phí yêu cầu đoàn thẩm định đo đạc là 1.492.000 đồng, tổng cộng là 61.492.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng), thì bà không đồng ý. Vì bà không có lấn chiếm đất của bà G, cũng không có hứa sẽ bồi thường mỗi ngày 1.000.000 đồng cho bà G. Đối với chi phí đo đạc, bà G khởi kiện tự yêu cầu đo đạc, tự chịu chi phí không liên quan tới bà.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị G, về việc yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị N bồi thường thiệt hại tổn thất việc bà G bỏ cơ sở kinh doanh bán phở để đi thưa kiện 2,7m^2 , mỗi ngày là 1.000.000 đồng, số ngày bà G đi kiện là 60 ngày, thành tiền là 60.000.000 đồng và chi phí yêu cầu đoàn thẩm định đo đạc là 1.492.000 đồng, tổng cộng là 61.492.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, theo quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về nội dung: Xét việc bà Ngô Thị G yêu cầu bà Ngô Thị N bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do bà N lấn chiếm đất của bà 2,7m^2, bà phải bỏ cơ sở kinh doanh bán phở thu nhập mỗi ngày là 1.000.000 đồng, số ngày bà G đi kiện là 60 ngày, thành tiền là 60.000.000 đồng và chi phí yêu cầu đoàn thẩm định đo đạc là 1.492.000 đồng, tổng cộng là 61.492.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng) là chưa có căn cứ chấp nhận, bởi vì:

[3] Tòa án có Thông báo yêu cầu bà G cung cấp chứng cứ chứng minh bà N có hành vi trái pháp luật lấn chiếm đất của bà, bà phải bỏ cơ sở kinh doanh bán phở để thưa kiện. Nhưng bà G không cung cấp được nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định tại Điều 91 của BLTTDS. Bà G chỉ cung cấp được sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 23/3/2021 khi bà khởi kiện bà N xây hầm cầu, không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà N có lấn chiếm đất của bà.

[4] Về thiệt hại: Bà G cũng không chứng minh được bà có thiệt hại xảy ra do hành vi trái pháp luật của bị đơn. Không cung cấp được số ngày các cơ quan có thẩm quyền mời đến để làm việc, do bà G tự ước tính, không cung cấp được thu nhập của bà mỗi ngày là 1.000.000 đồng, chỉ cung cấp giấy phép đăng ký kinh doanh, số tiền đóng thuế, tiền tH nhà trong khi cửa hàng bán phở là của cả gia đình, không phải riêng một mình bà quản lý, kinh doanh, bà chỉ đứng tên trên giấy phép đăng ký kinh doanh.

[5] Mặt khác, bà G căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 12/3/2019 tại ấp Long Phước, xã Lk A. Bà G cho rằng bà N có trình bày thống nhất bồi thường cho bà mỗi ngày 1.000.000 đồng, nếu như bên bà N thua kiện. Nhưng trong biên bản không thể hiện nội dung bà N đồng ý bồi thường, biên bản chỉ ghi ý kiến các bên, nội dung yêu cầu bồi thường mỗi ngày 1.000.000 đồng chỉ là lời trình bày của bà G.

[6] Tại phiên tòa bà N trình bày, tại buổi hòa giải ở ấp Long Phước, bà không có trình bày sẽ bồi thường cho bà G, chỉ là lời thách thức giữa hai bên khi tranh chấp, bà G yêu cầu bà bồi thường 1.000.000 đồng/ngày, bà N yêu cầu bà G bồi thường ngược lại cho bà 200.000 đồng/ngày. Do đó, việc hai bên thách thức nhau như là hành vi cá cược không đúng quy định pháp luật.

[7] Từ những phân tích trên cho thấy việc bà G khởi kiện bà N, nhưng không chứng minh được có thiệt hại xảy ra, do hành vi trái pháp luật của bà N gây ra, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà G.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ vào 147 BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử lý theo quy định. Bà Ngô Thị G phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận. Nhưng bà G là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 584, 589 của Bộ luật dân sự; Điều 12, 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị G về việc yêu cầu bà Ngô Thị N bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm số tiền là 61.492.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị G được miễn tiền án phí.

3. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 01/8/2022).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thì Trang